

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: BÉ BIẾT GÌ VỀ BẢN THÂN

Thời gian thực hiện 4 tuần: Từ ngày 06/10 đến ngày 31/10/2025

I. Mục tiêu:

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Hoạt động giáo dục
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a. Phát triển vận động					
1	12-18 tháng	Trẻ tích cực thực hiện bài tập. Làm được một số động tác đơn giản cùng cô: giơ cao tay, ngồi cúi về phía trước, nằm giơ cao chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau (24-36 tháng: kết hợp với lắc bàn tay)	Tập thụ động: - Chân: ngồi, chân dang sang 2 bên, nhấc cao từng chân, nhấc cao 2 chân.	* HĐ học: - Thể dục sáng: Tập các động tác thể dục kết hợp bài hát: Đôi dép xinh.
2	18-24 tháng	Trẻ có thể bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang	- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, (24-	- Chân: Dang sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên.	
3	24-36 tháng	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	36 tháng: Vặn người sang 2 bên)	- Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.	
4	12-18 tháng	Trẻ tự đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi) hoặc đi tới chỗ trẻ muốn: Đi cầm tay cô		- Tập đi + Đi cầm tay cô + Đi giữ nách	* Chơi - tập có chủ định: - Đi cầm tay cô - Đi trong đường hẹp + TCVD: Con rùa - Đi giữ nách - Tập bước lên xuống bậc thang + TCVD: Lăn bóng cho bạn
5	18-24 tháng	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi: Đi trong đường hẹp	+ Đi trong đường hẹp	+ Tập bước lên xuống bậc thang	
6	24-36 tháng	Trẻ có thể giữ được thăng bằng			

		trong vận động: Đi trong đường hẹp			
7	12-18 tháng	Trẻ biết bò theo bóng / đồ chơi: Ngồi tung bóng		+ Ngồi tung bóng	* Chơi - tập có chủ định: - Ngồi tung bóng - Lăn bóng qua cổng - Tung bóng bằng 2 tay + TCVD: Bé nhặt quả
8	18-24 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Lăn bóng qua cổng		+ Lăn bóng qua cổng	
9	24-36 tháng	Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung bóng bằng 2 tay		+ Tung bóng bằng 2 tay	
10	12-18 tháng	Trẻ thực hiện các vận động có sự phối hợp: Trườn qua vật cản		+ Trườn qua vật cản	* Chơi - tập có chủ định: - Trườn qua vật cản - Bò tới đích - Trườn tới đích - Bò thẳng hướng và có mang vật trên lưng + TCVD: Chạy về phía cô
11	18-24 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong: Trườn tới đích		+ Trườn tới đích	
12	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi: Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng		+ Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng	
15	24-36 tháng	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)		+ Bật qua vạch kẻ	* Chơi - tập có chủ định: - Bật qua vạch kẻ
16	12-18 tháng	Trẻ thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay khi cầm, gõ, bóp, đập đồ chơi.	- Đóng mở nắp (12-18 tháng: không ren; 18-24 tháng: có ren)	- Xoay bàn tay và cử động các ngón tay. - Gõ, đập, cầm đồ vật.	* Hoạt động chơi: + Đóng mở nắp có ren + Chơi vò, xé giấy

17	18-24 tháng	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay	+ Chơi đóng cọc bàn gỗ + Chơi xâu vòng đeo tay, xâu chuỗi đeo cổ.
18	24-36 tháng	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện " mùa khéo".		- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối	
19	12-18 tháng	Trẻ biết lồng được 2 - 3 hộp, xếp chồng được 2 - 3 khối vuông.	- Tháo lắp, lồng hộp (18-24 tháng: hộp tròn, vuông)		* Chơi - tập có chủ định: - Lồng hộp tròn (3 hộp) - Xâu vòng màu vàng - Xé giấy theo dải - Di màu đôi dép * Hoạt động chơi: - Cho trẻ chơi vò giấy. + Vò, xé giấy, nhào đất nặn. + Đóng cọc bàn gỗ + Nhón, nhặt đồ vật
20	18-24 tháng	Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	- Xếp chồng (12-18 tháng: 2-3 khối; 18-24 tháng: 4 - 5 khối)		
21	24-36 tháng	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	12-18 tháng	Thích nghi với chế độ ăn cháo		- Làm quen chế độ ăn cháo nấu với các thực phẩm khác nhau.	* Hoạt động ăn: - Trẻ làm quen ăn chế độ cơm nát, trẻ ăn đa dạng các

23	18-24 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	loại thức ăn và không chọn một loại để ăn.
24	24-36 tháng	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	
28	12-18 tháng	Trẻ chấp nhận ngồi bô khi đi vệ sinh	12-18; 18-24 tháng: - Tập một số thói quen vệ sinh tốt:		* Hoạt động vệ sinh: - Hướng dẫn, giúp đỡ trẻ rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh - Quan sát, hướng dẫn trẻ ngồi bô đi vệ sinh, đi đúng nơi quy định.
29	18-24 tháng	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh			
30	24-36 tháng	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	+ Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
31	12-18 tháng	Trẻ tập làm một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	12-18; 18-24 tháng: - Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn.		
32	18-24 tháng	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh.		* Hoạt động ăn: - Hướng dẫn trẻ tập ngồi vào bàn ăn, tập cầm thìa xúc cơm. - Thực hành trẻ lấy khăn lau miệng, tập cầm cốc/ vặn vòi nước để lấy nước uống có sự giúp đỡ của cô.
33	24-36 tháng	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).		- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi	

				ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
41	12-18 tháng	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	12-18; 18-24 tháng: - Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi. - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn		* Hoạt động chơi: + Chơi với các đồ chơi: Xắc xô, phách tre, trống,... + Trò chơi mới: Bạn nào đã đi trốn, tay đẹp, xé giấy xé lá, hái quả + Chơi góc thao tác vai: Chơi bế em, cho em ăn, cho em ngủ. + Trò chuyện về đồ chơi búp bê
42	18-24 tháng	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng			
43	24-36 tháng	Trẻ biết sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.		
50	12-18 tháng	Trẻ có thể chỉ vào hoặc nói tên 1 vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	- Tên, (24-36 tháng: chức năng chính) một số bộ phận của		* Chơi – tập có chủ định: - Nhận biết mắt, mũi, miệng

51	18-24 tháng	Trẻ có thể chỉ vào hoặc nói tên 1 vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.		- Nhận biết tay, chân * Hoạt động chơi: + Xem tranh, ảnh về một số bộ phận trên cơ thể bé: Tay, chân, mắt, mũi, mồm, tai. + Trò chơi mới: Bạn nào đã trốn đi.
52	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được tên và một vài chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.		- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.	
56	12-18 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Kích thước to - nhỏ. - Màu đỏ, xanh, (24- 36 tháng: vàng)		* Hoạt động chơi: - Cho trẻ chơi với quả bóng, hạt vòng màu đỏ, hạt vòng màu xanh, màu vàng. - Yêu cầu trẻ chỉ và nói tên đồ chơi. - Trò chơi: Tìm đúng màu
57	18-24 tháng	Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.			
58	24-36 tháng	Trẻ biết chỉ/nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.			
59		Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước trên – dưới, trước – sau		- Vị trí trong không gian (trên – dưới, trước – sau) so với bản thân trẻ.	* Chơi – tập có chủ định: - Nhận biết trên – dưới so với bản thân trẻ - Nhận biết trước - sau so với bản thân trẻ

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

60	12-18 tháng	Hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.		* Hoạt động chơi, hoạt động giao lưu cảm xúc. - Cát đồ dùng đồ chơi sau khi chơi. - Trò chơi: Đuổi bắt * TCTV: Trẻ nói các câu từ: Cái bàn, cái ghế, đồ chơi, búp bê, quả bóng; cái ghế để ngồi, búp bê gái, búp bê trai, quả bóng màu đỏ, xanh,...
61	18-24 tháng	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản : đi đến đây ; đi rửa tay...		- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
62	24-36 tháng	Trẻ có thể thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. VD: Cháu cất đồ chơi lên giá và đi rửa tay.		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	
66	12-18 tháng	Trẻ có thể hiểu câu hỏi: Tên truyện thơ ngắn	12-18; 18-24 tháng: - Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.		* Chơi - tập có chủ định: - Kể truyện: Thơ ngắn. * Hoạt động chơi: - Nghe cô kể truyện theo dõi tay
67	18-24 tháng	Trẻ có thể trả lời được các câu hỏi đơn giản : Truyện thơ ngắn			
68	24-36 tháng	Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: thơ ngắn	- Trả lời và đặt câu hỏi: “Con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “ Như thế nào?”. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần có sự gợi ý	
69	12-18 tháng	Bắt chước được âm thanh ngôn ngữ khác nhau: ta ta,	- Phát âm các âm khác nhau.		

		meoe meo, bim bim...	12-18; 18-24 tháng:		- Trò chuyện với trẻ về tên chức năng của một số bộ phận cơ thể: Tay, chân, mắt, mũi,...
70	18-24 tháng	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Mắt, mũi, tai...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi.		
71	24-36 tháng	Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- <i>Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS trên cơ sở tiếng mẹ đẻ.</i>		* TCTV: Cho trẻ nói các từ "Đôi mắt; Cái mũi; Cái tai; Cái mồm".
72	12-18 tháng	Trẻ nhắc lại được một số từ đơn: dép, xinh...	12-18; 18-24 tháng:		* Chơi – tập có chủ định
73	18-24 tháng	Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ: Miệng xinh, đi dép	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.		- Thơ: Miệng xinh - Thơ: Đi dép * Hoạt động chơi: - Nghe đọc truyện: Thỏ ngoan
74	24-36 tháng	Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. Miệng xinh, đi dép		- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.	
75	12-18 tháng	Trẻ sử dụng các từ đơn khi giao tiếp như gọi mẹ, bà...	- Phát âm các âm khác nhau		* Hoạt động chơi: - Trò chuyện với trẻ về tên chức năng của một số bộ phận cơ thể: Tay, chân, mắt, mũi,...
76	18-24 tháng	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...			* TCTV: Cho trẻ nói các từ "Đôi mắt; Cái mũi; Cái tai; Cái mồm".
77	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	* TCTV: Trẻ nói được các từ: Ăn

					cơm; Con đi vệ sinh....
78	12-18 tháng	Trẻ có thể nói câu gồm 1 hoặc 2 từ: “bé”(khi muốn được bế); “uống” hoặc “nước” (khi muốn uống nước); “măm măm” (khi muốn ăn); “đi, đi” (khi muốn đi chơi)...	12-18; 18-24 tháng: - Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.		* Hoạt động vệ sinh, ăn, ngủ: - Cô trò chuyện với trẻ về nhu cầu, mong muốn của trẻ. * TCTV: Trẻ nói được các từ: Uống nước; Ăn cơm; Đi vệ sinh. Các câu: Con uống nước; Con ăn cơm; Con đi vệ sinh.
79	18-24 tháng	Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).			
80	24-36 tháng	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”...		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

83	12-18 tháng	Trẻ nhận ra “tên” gọi của mình (có phản ứng khi nghe người khác gọi tên mình).	12-18; 18-24 tháng: - Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân		* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Cô âu yếm, gần gũi nhẹ nhàng trò chuyện với trẻ về tên, tuổi của trẻ. - Cho trẻ chỉ vào một số bộ bên ngoài của mình.
84	18-24 tháng	Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).			

85	24-36 tháng	Trẻ có thể nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).		- Một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	
87	12-18 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	12-18; 18-24 tháng: - Giao tiếp với cô và bạn.		* Hoạt động chơi, hoạt động giao lưu cảm xúc. - Trò chuyện, âu yếm trẻ, cho trẻ chơi với bạn, nhắc trẻ chào cô, chào bạn... * Hoạt động chơi: - Chơi: Cho em ăn, cho em ngủ, bán hàng.
88	18-24 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi			
89	24-36 tháng	Trẻ có thể biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh.	
90	12-18 tháng	Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình đối với những người xung quanh	12-18; 18-24 tháng: - Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh - <i>Nhận biết, hiểu và thể hiện được cảm xúc của bản thân</i>		* Hoạt động chơi: - Trò chuyện về cảm xúc của trẻ vui, buồn, tức giận. - Xem tranh, ảnh, về cảm xúc: Vui, buồn, tức giận.
91	18-24 tháng	Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình đối với những người xung quanh			
92	24-36 tháng	Trẻ có thể nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.	
97	12-18 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	12-18; 18-24 tháng:		* Hoạt động chơi: - Trò chuyện, nhắc nhở trẻ chào tạm,

98	18-24 tháng	Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.		biệt ông bà, bố mẹ, cảm ơn khi được giúp đỡ. - Nhắc nhở trẻ chơi đoàn kết với bạn, chơi cạnh bạn.
99	24-36 tháng	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.		- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	- Thực hành: Chào tạm biệt, cảm ơn.
100	12-18 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.		* Hoạt động chơi: - Góc thao tác vai: Bế em, cho em ăn, cho em ngủ, bán hàng * Hoạt động chơi: - Chơi với bạn, cạnh bạn khi chơi với các đồ chơi, dạo chơi ngoài trời,...
101	18-24 tháng	Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).			
103	24-36 tháng	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	
107	12-18 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...). Rửa mặt như mèo, Tập tầm vông, Tay thơm tay ngoan, Mời bạn ăn	12-18; 18-24 tháng: - Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ.		* Chơi - tập có chủ định: - Dạy hát: Rửa mặt như mèo - VĐTN: Tập tầm vông - Nghe hát: Tay thơm tay ngoan, mời bạn ăn

108	18-24 tháng	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...). Rửa mặt như mèo, Tập tầm vông, Tay thơm tay ngoan, Mời bạn ăn	- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.		- Trò chơi: Tai ai tinh, nghe âm thanh đoán dụng cụ
109	24-36 tháng	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. Rửa mặt như mèo, Tập tầm vông, Tay thơm tay ngoan, Mời bạn ăn		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	
110	12-18 tháng	Trẻ thích vẽ, xem tranh	12-18; 18-24 tháng: - Tập cầm bút vẽ. 12-18; 18-24; 24-36 tháng: - Xem tranh		* Chơi - tập có chủ định: - HĐVĐV: + Xâu vòng màu vàng + Xé giấy theo dải + Di màu đôi dép + Lồng hộp tròn (3 hộp) * Hoạt động chơi: - Xếp đường đi. - Góc nghệ thuật: Di màu bạn trai, bạn gái....
111	18-24	Trẻ thích vẽ, xem tranh			
112	24-36 tháng	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệt lịch nguyệt)		Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình	
Tổng số mục tiêu: 77					

II. Chuẩn bị

- Bóng 10-15 quả, rổ đựng bóng
- Bộ đồ chơi xây dựng, xếp hình, cây ghép hoa
- Xắc xô, phách tre, trống
- Tranh, ảnh về bản thân
- Đồ chơi, đồ dùng, bóng,...
- Hình ảnh, vi deo thơ: Đi dép, miệng xinh...
- Hình ảnh minh họa truyện: Thỏ ngoan
- Khối gỗ, hạt vòng, đất nặn, bút sáp màu, xắc xô...

III. Mở chủ đề

- Cô chuẩn bị tranh trang trí chủ đề “Bé biết gì về bản thân” vào mảng chủ đề.

- Cô cho trẻ quan sát trò chuyện đề trẻ nói được đặc điểm của bản thân.

- Hát, múa, kể chuyện, đọc thơ, câu đố về chủ đề.

- Dạy trẻ các bộ phận trên cơ thể và chức năng của các bộ phận

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP

Quàng Thị Khuyên

Lò Thị Hà